

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-PT
Ngày 25-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Hữu L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba T, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hữu L**, sinh ngày 24/5/1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 637 ấp Bình An, xã Bình T, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: sửa điện thoại; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H (sinh ngày 21/10/1969, ngụ Khu phố 2, thị trấn Giồng T, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre) là đối tượng có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, Nguyễn Thanh H cùng Nguyễn Hữu L thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 25/7/2023, Nguyễn Thanh H điện

thoại rủ Nguyễn Hữu L đi trộm tài sản thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda DH88, biển số 51T6-0911 (xe của em gái L là Nguyễn Thị Trúc Ph) chở H đi về hướng xã Mỹ H, huyện Ba T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ H, huyện Ba T thì cả hai đem giấu xe mô tô vào đám cỏ bên lề đường. H và L đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1984 thì phát hiện trong nhà có đèn sáng và cửa sau nhà không khoá nên H đi vào nhà để lấy trộm tài sản, còn L ở bên ngoài canh giới. H vào trong lấy trộm được 01 điện thoại di động Samsung A03, 01 áo khoác nữ màu đỏ đô và 01 chiếc chìa khoá xe Honda Airblade của bà Nguyễn. Điện thoại và áo khoác thì H đưa L giữ, còn chìa khoá xe mô tô thì H ném bỏ. Sau đó H, L tiếp tục đi bộ đến nhà máy tôn Mỹ Hoà tại ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ H của ông Lê Văn Th (sinh năm 1979, ngụ Khu phố 1, thị trấn Giồng T, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre) làm chủ thì phát hiện cửa nhà máy tôn không khoá mà chỉ móc ổ khoá bên trong nên H mở cửa đi vào trong lấy trộm tài sản, còn L ở bên ngoài canh giới. H đi vào trong nhà máy tôn lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A57 và 01 cái bóp da ra đưa cho L giữ. L kiểm tra bóp da không có tiền nên bỏ trở lại nhà máy tôn, còn 02 điện thoại thì tắt nguồn bỏ túi quần. Tiếp đến H quay trở vào khiêng một chiếc tủ gỗ mang ra ngoài cửa rồi cùng L khiêng chiếc tủ gỗ đi cách nhà máy tôn khoảng 50 mét dừng lại kiểm tra thì phát hiện bên trong có 820.000 đồng nên cả hai chia nhau mỗi người 410.000 đồng và bỏ chiếc tủ gỗ lại. Đến trưa ngày 26/7/2023, cả hai đem 03 chiếc điện thoại di động trộm được đến cửa hàng điện thoại A Phón tại phường Phú Khương, thành phố Bến Tre bán cho ông Đặng Văn Phón - sinh năm 1990 nhưng chỉ bán được 02 chiếc điện thoại Samsung A03, Oppo A57 với giá trị 1.900.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài cá nhân hết, còn 01 điện thoại di động Iphone 5S thì L giữ lại.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ ngày 19/8/2023, Nguyễn Thanh H điện thoại cho Nguyễn Hữu L đến nhà chở H đi trộm tài sản. L đồng ý và điều khiển xe mô tô Honda biển số 51T6-0911 đến đón H rồi H kêu L điều khiển xe chạy về hướng huyện Ba T để tìm tài sản lấy trộm. L điều khiển xe đến xã An Bình T gần tới bến xe Ba T thì H kêu L rẽ trái chạy vào đường bê-tông. Khi L điều khiển xe gần hết đoạn đường bê-tông sắp ra đường nhựa thì H kêu dừng xe lại tắt máy xe đẩy qua cầu giấu xe bên mảnh đất trống. Sau đó, H và L đi bộ ra đường nhựa rẽ trái về hướng xã Mỹ Nhơn, cả hai đi bộ được khoảng 300 mét thì H phát hiện bên phải có trại nuôi bò của ông Võ Việt Q (sinh năm 1982, ngụ ấp An Phú, xã An Bình T, huyện Ba T) đang có đèn thấp sáng nên H và L đi bộ băng qua đám cỏ, băng qua

miếng ruộng đến trại bò tìm tài sản lấy trộm. Khi đến trước cửa L ở ngoài đợi, còn H lấy đoạn sắt để ngay lò nấu tắm cho bò đến cạy mở ổ khóa cửa trại bò. Khi mở được ổ khóa H liền ném cây sắt và ổ khóa ngay gần đó rồi đi vào bên trong tìm tài sản. H phát hiện ngay đầu tủ gỗ bên phải có để 280.000 đồng tiền mặt liền lấy bỏ vào túi quần và không cho L biết; tiếp theo H phát hiện bên trong trại bò có để 02 xe mô tô gồm 01 chiếc nhãn hiệu Honda Future X, màu trắng, biển số 71C2-023.65 và 01 chiếc nhãn hiệu Honda Future, màu xám, biển số 71C2-140.82 đều đã được khóa cổ nên H không dẫn ra ngoài được. H đi ra ngoài kêu L vào hỗ trợ, L nâng phần ba ga xe, H nâng phần đầu xe khiêng ra ngoài trại bò. Sau khi đem 02 xe mô tô ra ngoài H dùng cây đoạn mang theo bẻ khóa 02 chiếc xe mô tô và kiểm tra cốp xe thấy có chứa một số giấy tờ như giấy đăng ký xe, thẻ ATM, căn cước công dân và giấy phép lái xe, H lấy ném các giấy tờ xuống kênh nước và kêu L chạy 01 chiếc xe mô tô, H chạy một chiếc xe mô tô. Cả hai điều khiển 02 chiếc xe mô tô chạy qua tỉnh Tiền Giang gặp và giao 02 xe mô tô cho người thanh niên tên “Tâm” không rõ nhân thân lai lịch nhờ bán giùm. Sau đó H, L quay lại xã An Bình Tây lấy xe mô tô Honda biển số 51T6-0911 rồi trở về nhà của mình. Đến trưa ngày 20/8/2023, đối tượng “Tâm” liên hệ yêu cầu H cung cấp số tài khoản để chuyển tiền, H lấy số tài khoản của L đưa cho Tâm, sau đó Tâm chuyển tiền 02 lần với tổng số tiền 6.000.000 đồng vào số tài khoản của L, 01 lần chuyển 4.000.000 đồng và 01 lần chuyển 2.000.000 đồng. L sau đó rút tiền đưa cho H và cả hai chia đều mỗi người 3.000.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng 09 giờ ngày 01/9/2023, Nguyễn Thanh H điện thoại cho Nguyễn Hữu L hỏi L “có đi Ba T được không?” L hỏi H “đi Ba T có gì không chú H?” H trả lời “đi Ba T có kèo thơm”, L đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 51T6-0911 đến nhà của H. Sau đó H điều khiển xe mô tô Honda Airblade biển số 71B2-604.32 (xe của vợ H là Nguyễn Thị Kim D) chở L về hướng huyện Ba T. Trên đường đi thì L hỏi H “kèo thơm là gì chú H” thì H trả lời xuống Ba T lấy trộm xe đưa cho Võ Văn Nòng (sinh năm 1970, ngụ ấp An Bình 2, xã An H Tây, huyện Ba T) thì nó sẽ cho 3.500.000 đồng. H điều khiển xe mô tô đến khu vực ấp An Nhơn, xã Vĩnh An, huyện Ba T thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future X, màu đỏ đen, biển số 71C2-670.99 của ông Lê Văn A (sinh năm 1964, ngụ ấp An Nhơn, xã Vĩnh A, huyện Ba T) đang dựng cặp lộ nhựa gần đám cỏ thì H ngừng xe lại cách xe mô tô biển số 71C2-670.99 khoảng 02 mét và đưa cho L 01 cái đoạn, 01 cái khoá và hướng dẫn L bẻ khoá xe. L đi đến bẻ khoá rồi điều khiển xe mô tô biển số 71C2-670.99 đi theo H đến 01 căn nhà tại xã Mỹ Nh, huyện Ba T

thì gặp Nòng. H dẫn xe mô tô biển số 71C2-670.99 đi vào căn nhà nói trên, còn Nòng thì đi đến đưa số tiền 3.500.000 đồng cho L. Sau đó L và H điều khiển xe đi về nhà và chia nhau số tiền 3.500.000 đồng.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, màu trắng, đã qua sử dụng có nhiều vết trầy xước. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại Mai Văn D;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future X, màu sơn đỏ - đen - trắng, không biển số, số khung 3508AY625092, số máy JC35B3250746. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bị hại là ông Lê Văn A;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đỏ - đen, biển số 71B2-604.32. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Kim D;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda DH88, biển số 51T6-0911, số khung 425623, số máy 4025642, chưa xử lý;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 353115111072525, số seri 2: 353115116072520, bên trong có gắn 01 sim có số thuê bao 0376.472.755 của Nguyễn Thanh H, chưa xử lý;

- Số tiền 2.000.000 đồng của Nguyễn Thanh H, chưa xử lý;

- Số tiền 1.500.000 đồng của Nguyễn Hữu L, chưa xử lý.

* Tại Bản kết luận định giá số: 84/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba T kết luận như sau: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future X, màu sơn đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát 71C2-670.99, số khung 3508AY625092, số máy JC35B3250746, đã qua sử dụng (tài sản thu hồi được nhưng mất biển số xe), có giá trị 16.000.000 đồng, chi phí cấp lại biển số xe 71C2-670.99 là 200.000 đồng”.

* Tại Bản kết luận định giá số: 92/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba T kết luận như sau: “01 điện thoại Iphone 5S, đã qua sử dụng, giá trị 150.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung A03 và 01 ốp lưng của điện thoại màu hồng, đã qua sử dụng, có giá trị 2.200.000 đồng; 01 điện thoại Oppo A57, đã qua sử dụng, có giá trị 4.200.000 đồng; 01 chìa khóa xe Airblade có giá trị 100.000 đồng; Tài sản không đủ điều kiện định giá do không có thông tin nhãn hiệu, hình ảnh: 01 áo khoác nữ màu đỏ đô (không có vật). Tổng giá trị tài sản qua định giá là 6.650.000 đồng”.

* Tại Bản kết luận định giá số: 81/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba T kết luận như sau: “01 xe

mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future X, màu sơn trắng xám đen, số máy JC35E3254873, số khung RLHJ3506AY427563, biển kiểm soát 71C2-023.65, có giá trị 21.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, màu sơn đen xám vàng, số máy JC53E0040467, số khung RLHJC5307CY040439, biển kiểm soát 71C2-140.82, có giá trị 13.000.000 đồng; phí cấp lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là 30.000 đồng; phí cấp lại 01 thẻ căn cước là 35.000 đồng; phí cấp lại 01 giấy phép lái xe bao gồm cả giấy khám sức khỏe là 412.000 đồng; phí cấp lại 03 thẻ ATM ngân hàng Agribank là 165.000 đồng; chi phí công, xăng xe thực hiện các thủ tục theo các nội dung trên là 300.000 đồng. Tổng giá trị là 34.942.000 đồng”.

* Tại Bản kết luận định giá số: 106/KL-HĐĐGTS ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba T kết luận như sau: “01 tủ gỗ có kích thước (0,45 x 0,55 x 3) mét có vật, loại gỗ ép công nghiệp, đã qua sử dụng, có giá trị là 200.000 đồng”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự của Nguyễn Thanh H, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2024 bị cáo Nguyễn Hữu L kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 năm 06 tháng tù là tương xứng; kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ

vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: Xin Kiểm sát viên xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị cáo mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có điều kiện chăm sóc cho mẹ đang bị bệnh.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Hiện tại bị cáo rất ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình của bị cáo mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có điều kiện sớm về chăm sóc cho mẹ đang bị bệnh tai biến lần 2, có điều kiện để bị cáo làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, trên địa bàn các xã Mỹ H, An Bình T và Vĩnh A, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre. Bị cáo Nguyễn Hữu L cùng bị cáo Nguyễn Thanh H 03 lần có hành vi lén lút lấy trộm tài sản gồm: Số tiền mặt 820.000 đồng và 01 tủ gỗ trị giá 200.000 đồng của ông Lê Văn T; 01 điện thoại di động trị giá 150.000 đồng của ông Mai Văn D; 01 điện thoại di động trị giá 4.200.000 của ông Phạm Chí C; 01 điện thoại di động và 01 chìa khóa xe mô tô trị giá 2.300.000 đồng của bà Nguyễn Thị N; 02 xe mô tô trị giá 34.000.000 đồng của ông Võ Việt Qc; 01 xe mô tô trị giá 16.000.000 đồng của ông Lê Văn A. Với tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Hữu L đã cùng bị cáo Nguyễn Thanh H chiếm đoạt là 57.670.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 57.670.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu L phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu L yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *phạm tội 02 lần trở lên* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *bồi thường thiệt hại* xong cho các bị hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại cấp phúc thẩm các bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên thấy rằng trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 25/7/2023 đến ngày 01/9/2023, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại với tổng giá trị là 57.670.000 đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *phạm tội 02 lần trở lên* theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Bị cáo với vai trò vừa là người giúp sức cảnh giới, vừa là người trực tiếp lấy trộm tài sản; bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật và tài sản của người khác, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an

ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, vì vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có cơ sở xem xét. Mặc khác, do bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên cũng không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo cũng không có cơ sở xem xét. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba T, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Ba T (3b);
- VKSND huyện Ba T (1b);
- Công an huyện Ba T (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba T (1b);
- UBND xã Bình Thành, h. Giồng T (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông